TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 57 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 13/12/2019
V/v " Ly hôn và quyền nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thạch
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Hưng Quang
2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Quốc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quí, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân - Gia đình, thụ lý số: 282/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05/6/2019. Về việc: "Ly hôn và quyền trực tiếp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXX ngày 14/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2019/QĐ-HPT ngày 29/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1983
Hộ khẩu tại: xóm 7, thôn Hội Tâm, xã H, huyện T, Bình Thuận; hiện tạm trú tại: khu phố 8, phường Mũi Né, TP. P, tỉnh Bình Thuận.
- Bị đơn: ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1985
Địa chỉ: xóm 7, thôn Hội Tâm, xã H, huyện T, Bình Thuận
(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 03 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, theo giấy chứng nhận kết hôn số 54; quyển sổ 01 ngày 01/11/2007.

Cuộc sống của vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến khoảng đầu tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không chăm lo làm ăn mà chỉ lo cờ bạc, nhậu nhẹt. Ngoài ra ông còn có người phụ nữ khác, nên vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, luôn mâu thuẫn, ông T nhiều lần còn đánh bà. Từ ngày bà nộp đơn xin ly hôn, bà đã dẫn hai con về nhà mẹ ruột của bà tại Mũi Né, TP. P sinh sống cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc, vợ chồng bà không thể nào tiếp tục sống chung với nhau được nữa, bà không đồng ý đoàn tụ và có yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung, Nguyễn Ngọc Tùng, sinh ngày 28/5/2008 và Nguyễn Thịnh, sinh ngày 12/12/2015. Hiện bà đang nuôi cháu Tùng, trước đây khoảng 01 tháng, ông T đã dẫn cháu Thịnh về lại ở với ông, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tùng đến khi thành niên, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và bà đồng ý giao cháu Thịnh cho ông T được tiếp tục nuôi dưỡng Thịnh đến khi thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Thu H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, theo giấy chứng nhận kết hôn số 54; quyển sổ 01 ngày 01/11/2007.

Sau khi thành hôn vợ chồng ông về sinh sống tại M, cuộc sống chung của vợ chồng theo ông là hạnh phúc, đến khoảng đầu tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là kinh tế gia đình gặp khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm, thỉnh thoảng vợ chồng có cải vã. Sau khi bà H nộp đơn ly hôn tại Tòa án thì bà H tự ý dẫn theo 02 con trở về nhà mẹ ruột của bà tại Mũi Né, TP. P sinh sống cho đến nay không quan tâm đến ông.

Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý. Lý do vợ chồng chung sống với nhau đã có 02 mặt con, trong cuộc sống vợ chồng bất đồng, mâu thuẫn dẫn đến cải vả, gây gỗ nhau là điều bình thường, không vì vậy mà phải bỏ nhau, ông vẫn hy vọng rằng vợ chồng ông có thể hàn gắn lại sống hạnh phúc và nuôi dạy con tốt, một lần nữa ông xác định tình cảm vợ chồng ông vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn.

Nếu trường hợp Tóa án xử cho vợ chồng ông ly hôn, ông đồng ý giao cho bà H nuôi cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28/5/2008, và ông nuôi cháu Nguyễn T, sinh ngày 12/12/2015 đến khi thành niên, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc T theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Thu H ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28/5/2008 cho bà H nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên; giao cháu Nguyễn T, sinh ngày 12/12/2015 cho ông T nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên. Bà H và ông T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: bà H phải chịa án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, xét yêu cầu của nguyên đơn và nơi cư trú của bị đơn, thì đây là vụ kiện "Ly hôn và yêu cầu quyền trực tiếp nuôi con" được qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh Bình Thuận.

Đối với ông T, đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, mà vẫn vắng mặt không lý do, nên áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hôn nhân: bà H và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, theo giấy chứng nhận kết hôn số 54; quyển số 01 ngày 01/11/2007, T thủ đúng các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Theo bà H khai cuộc sống của vợ chồng ban đầu hạnh phúc, đến khoảng đầu tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không chăm lo làm ăn mà chỉ lo bài bạc, nhậu nhẹt nên hai vợ chồng luôn mâu thuẫn. Ngoài ra ông còn có người phụ nữ khác, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T nhiều lần đánh bà. Từ ngày bà nộp đơn, bà đã dẫn hai con về nhà mẹ ruột tại Mũi Né, TP. P sinh sống, không ai quan tâm đến ai.

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nữa, bà không đồng ý trở lại đoàn tụ và tha thiết yêu cầu được ly hôn với ông T.

Trong quá trình thu thập chứng cứ ông T khai, sau khi thành hôn vợ chồng ông về sinh sống tại M, cuộc sống chung của vợ chồng theo ông là hạnh phúc, đến khoảng đầu tháng 6 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là kinh tế gia đình gặp khó khăn, vợ chồng bất đồng, thỉnh thoảng vợ chồng có cải vã. Sau khi bà H nộp đơn ly hôn tại Tòa án, thì bà H dẫn theo 02 con bỏ về nhà mẹ ruột của bà tại Mũi Né, TP. P sinh sống cho đến nay không quan tâm đến ông.

Nay bà H yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý. Lý do vợ chồng chung sống với nhau đã có 02 mặt con, trong cuộc sống vợ chồng bất đồng, mâu thuẫn dẫn đến cải vả, gây gỗ nhau là điều bình thường, không vì vậy mà phải bỏ nhau, ông vẫn hy vọng rằng vợ chồng ông có thể hàn gắn lại sống hạnh phúc và nuôi dạy con tốt, một lần nữa ông xác định tình cảm vợ chồng ông vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn.

Xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông T, đã phát sinh mâu thuẫn từ khoảng đầu tháng 6 năm 2017, đến đầu tháng 6/2019 bà H gửi Đơn ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện T và bà H đã đưa 02 con về phường Mủi Né sinh sống, đã tự chấm dứt cuộc sống chung vợ chồng bằng cách sống ly thân, không quan tâm đến ông T, Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải động viên bà H trở lại đoàn tụ, nhưng bà H nhất quyết không chấp nhận, chứng tỏ hôn nhân của họ lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa, nên bà H xin ly hôn với ông T là chính đáng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: vợ chồng có 02 con chung, Nguyễn Ngọc Tùng, sinh ngày 28/5/2008 và Nguyễn Thịnh, sinh ngày 12/12/2015. Hiện bà H đang nuôi cháu Tùng, ông T đang nuôi cháu Thịnh, bà H và ông T đều nhất trí duy trì quyền trực tiếp nuôi con đến khi các con thành niên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện về quyền trực tiếp nuôi con của các đương sự được quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông T đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định như trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, khoản 1 khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Cho bà Nguyễn Thị Thu H ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, cụ thể như sau:

- Giao cho bà H được tiếp tục quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28/5/2008 cho đến khi con đủ tuổi thành niên;

- Giao cho ông T được tiếp tục quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục Nguyễn T, sinh ngày 12/12/2015 cho đến khi con đủ tuổi thành niên.

Bà H và ông T không ai phải cấp dưỡng nuôi con và không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm nom và chăm sóc con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông T đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Bà H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí của bà H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0026210 ngày 05/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên án phí đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/12 /2019). Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKS (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Chi cục THA huyện;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Thạch